

Báo cáo thị trường tiền tệ

NHNN đẩy mạnh bơm thanh khoản trong khi đồng USD suy yếu

NHNN tiếp tục bơm thanh khoản

Trong tuần 15 năm 2025 (từ 07 đến 11 tháng 04), Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục bơm thanh khoản vào hệ thống ngân hàng với giá trị lớn hơn so với các tuần trước đó. Cụ thể, SBV đã thực hiện bơm ròng 23.92 nghìn tỷ đồng trong tuần này thông qua việc phát hành 74.05 nghìn tỷ đồng hợp đồng repo để bù đắp cho 50.13 nghìn tỷ đồng repo đáo hạn.

Lãi suất liên ngân hàng đi ngang

Trong tuần này, đường cong lãi suất liên ngân hàng nhìn chung không thay đổi, trong khi giá trị giao dịch ghi nhận mức tăng nhẹ. Cụ thể, lãi suất kỳ hạn 1 tuần và 3 tháng lần lượt tăng 5 điểm cơ bản và 10 điểm cơ bản, lên mức 4.10% và 4.60%, trong khi các kỳ hạn còn lại giữ nguyên. Giá trị giao dịch trong tuần đạt 613.41 nghìn tỷ đồng, tăng 5.00% so với tuần trước.

USDVND giảm trở lại

Trong tuần này, tỷ giá USDVND giảm nhẹ sau khi tăng mạnh trong tuần trước, do đồng USD suy yếu sau kỳ nghỉ “Ngày Giải phóng” tại Mỹ. Cụ thể, tỷ giá USDVND liên ngân hàng giảm 0.19% (tương đương 48 điểm phần trăm) so với tuần trước, chốt ở mức 25,737 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, chỉ số DXY tiếp tục xu hướng giảm trong suốt tuần và đóng cửa ở mức 100.1 vào thứ Sáu – mức thấp nhất trong vòng hai năm, giảm 2.84% so với tuần trước. Song song với sự suy yếu của đồng USD, tỷ giá trong nước cũng ghi nhận xu hướng giảm, được hỗ trợ bởi tâm lý thị trường dần ổn định và phản ứng tích cực trước quyết định của Mỹ về việc tạm dừng áp thuế đối ứng trong 90 ngày – tạo cơ hội cho các nỗ lực đàm phán từ phía Chính phủ Việt Nam.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T10/24	T11/24	T12/24	T1/25	T2/25	T3/25	Corr. ¹
FDI %n/n	7.6	-6.7	22.1	2.0	9.1	9.8	-0.19
Tổng mức bán lẻ %n/n	9.4	8.4	7.0	9.9	9.4	10.8	-0.17
Xuất khẩu %n/n	10.5	8.4	12.9	-4.0	25.7	14.5	-0.13
Nhập khẩu %n/n	13.8	10.4	19.0	-2.6	40.0	19.0	-0.06
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	2.0	1.1	0.5	3.1	-1.5	1.6	-0.12
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.33	0.13	0.29	0.98	0.34	-0.03	-0.06
Tín dụng %n/n	16.7	16.6	15.1	16.1	15.7	16.3	-0.24
USDVNB %t/t	2.91	0.25	0.55	-1.59	1.89	0.14	-0.37
PMI(Điểm)	51.2	50.8	49.8	48.9	49.2	50.5	-0.24
VNINDEX %t/t	-1.8	-1.0	1.5	-0.1	3.2	0.1	1.00

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN tiếp tục bơm thanh khoản	1
II. Lãi suất liên ngân hàng đi ngang	3
III. Đường cong lợi suất TPCP dốc lên	4
IV. USDVND giảm trở lại.....	6
Thống kê vĩ mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

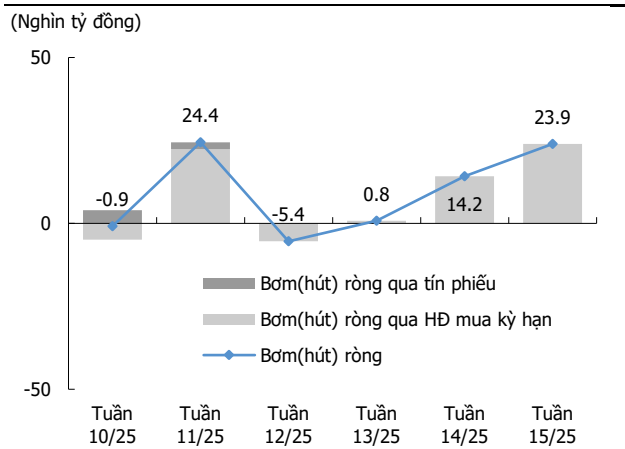
I. NHNN tiếp tục bơm thanh khoản

NHNN bơm thêm thanh khoản vào hệ thống ngân hàng

Trong tuần 15 năm 2025 (từ 07 đến 11 tháng 04), Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục bơm thanh khoản vào hệ thống ngân hàng với giá trị lớn hơn so với các tuần trước đó. Cụ thể, SBV đã thực hiện bơm ròng 23.92 nghìn tỷ đồng trong tuần này thông qua việc phát hành 74.05 nghìn tỷ đồng hợp đồng repo để bù đắp cho 50.13 nghìn tỷ đồng repo đáo hạn.

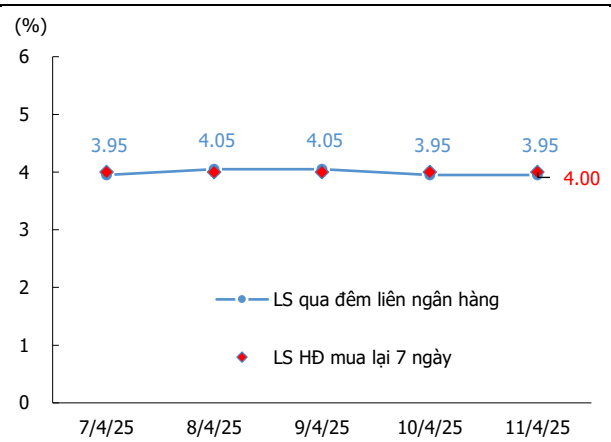
Như đã đề cập trong các tuần trước, SBV có khả năng sẽ tiếp tục duy trì môi trường lãi suất thấp bằng cách liên tiếp hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và đáp ứng các mục tiêu của Chính phủ. Tuy nhiên, cách tiếp cận này có thể gây áp lực lên tỷ giá USD/VND trong bối cảnh vẫn còn nhiều bất ổn xoay quanh chính sách thuế quan của Tổng thống Donald Trump.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
8/04/25	15/04/25	7	20.00	4.00
9/04/25	16/04/25	7	9.11	4.00
10/04/25	17/04/25	7	0.57	4.00
11/04/25	18/04/25	7	8.32	4.00
Tổng			38.00	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin phát hành HĐ mua kỳ hạn 14 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
8/04/25	22/04/25	14	9.81	4.00
9/04/25	23/04/25	14	2.02	4.00
10/04/25	24/04/25	14	6.99	4.00
11/04/25	25/04/25	14	9.59	4.00
Tổng			28.41	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 35 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
8/04/25	13/05/25	35	1.93	4.00
9/04/25	14/05/25	35	1.43	4.00
10/04/25	15/05/25	35	0.77	4.00
11/04/25	16/05/25	35	1.03	4.00
Tổng			5.16	4.00

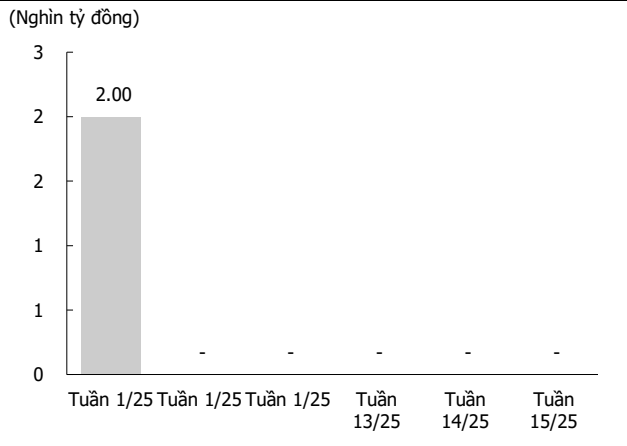
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Thông tin phát hành HĐ mua kỳ hạn 91 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
8/04/25	8/07/25	91	2.07	4.00
9/04/25	9/07/25	91	0.41	4.00
Tổng			2.48	4.00

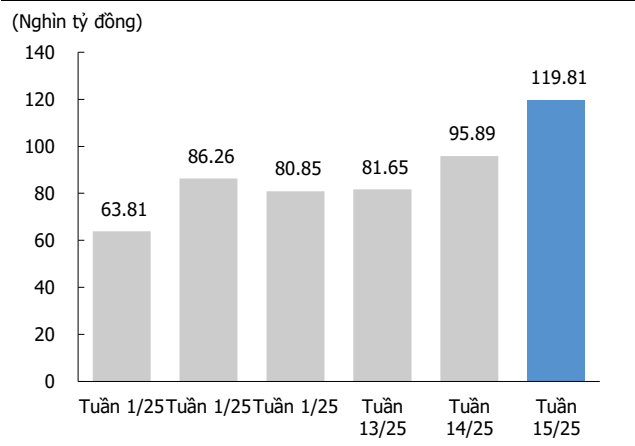
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 7. Tín phiếu đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 8. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

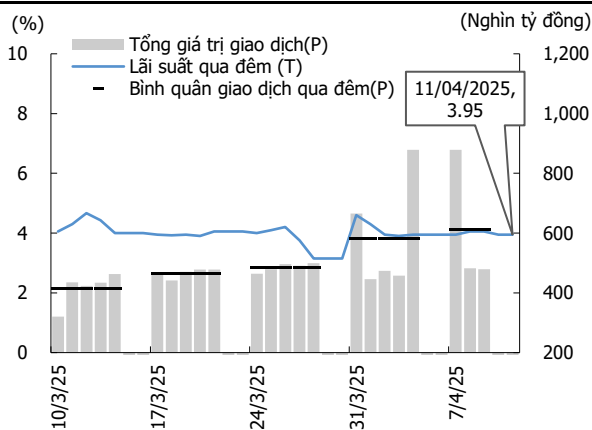
II. Lãi suất liên ngân hàng đi ngang

**Lãi suất đường như
không đổi**

Trong tuần này, đường cong lãi suất liên ngân hàng nhìn chung không thay đổi, trong khi giá trị giao dịch ghi nhận mức tăng nhẹ. Cụ thể, lãi suất kỳ hạn 1 tuần (1W) và 3 tháng (3M) lần lượt tăng 5 điểm cơ bản và 10 điểm cơ bản, lên mức 4.10% và 4.60%, trong khi các kỳ hạn còn lại giữ nguyên. Giá trị giao dịch trong tuần đạt 613.41 nghìn tỷ đồng, tăng 5.00% so với tuần trước.

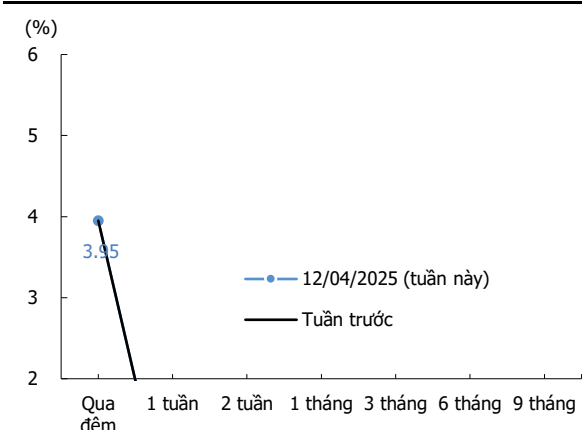
Sau các đợt bơm thanh khoản liên tiếp từ NHNN, diễn biến lãi suất liên ngân hàng trong tuần này cho thấy áp lực thanh khoản trong hệ thống đang có xu hướng giảm. Với giả định rằng NHNN sẽ tiếp tục hỗ trợ thanh khoản trong những tuần tới, lãi suất liên ngân hàng – đặc biệt là lãi suất qua đêm – được kỳ vọng sẽ dao động quanh mức 4.00%, mặc dù biến động có thể vẫn tiếp diễn do áp lực đáo hạn từ các hoạt động thị trường mở.

Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng



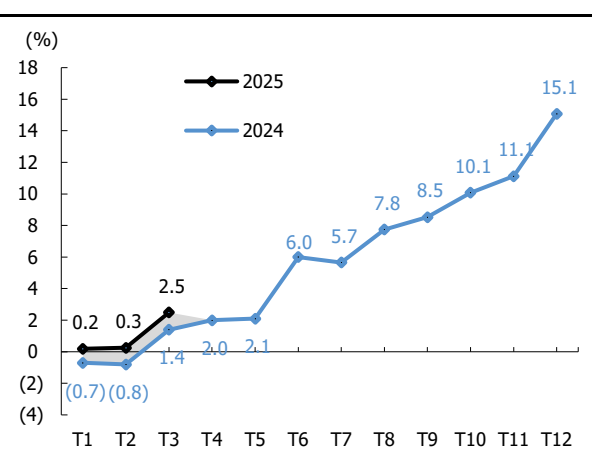
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

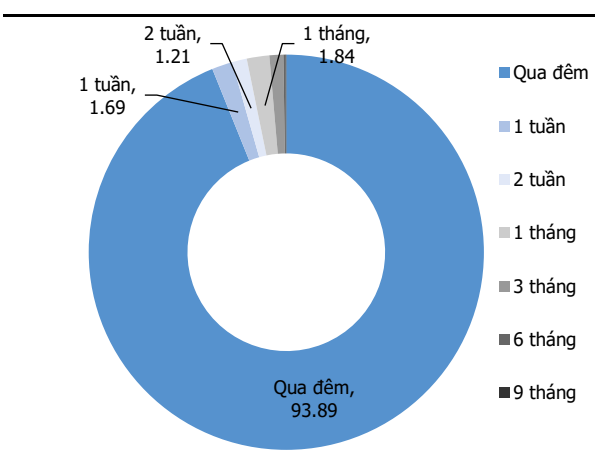
Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Ghi chú: Cập nhật đến ngày 25 tháng 3 năm 2025

Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



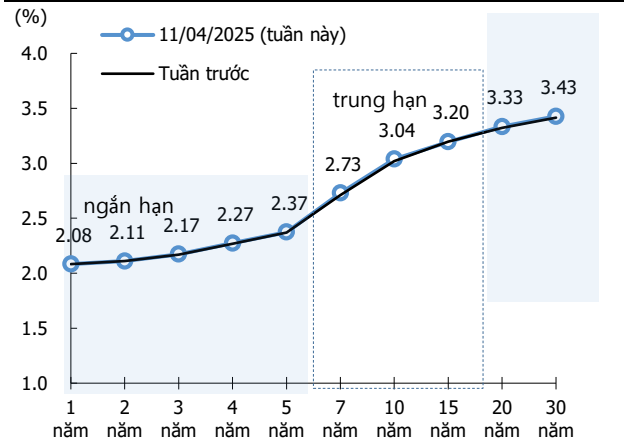
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Đường cong lợi suất TPCP dốc lên

Lợi suất trái phiếu tăng ở các kỳ hạn dài, trong khi kỳ hạn ngắn đi ngang

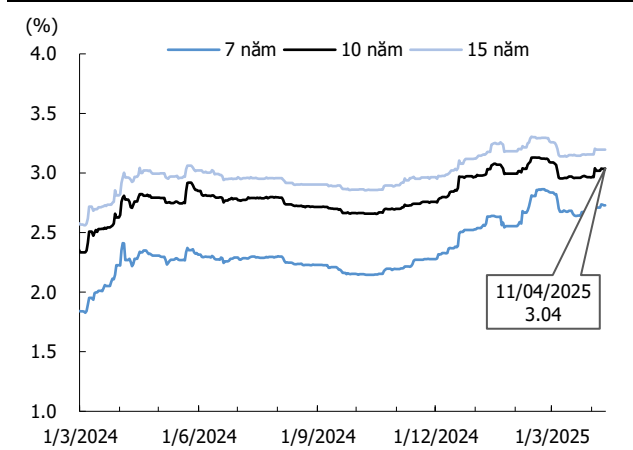
Trong tuần này, lợi suất trái phiếu Chính phủ tăng tại các kỳ hạn dài, trong khi các kỳ hạn ngắn không thay đổi. Cụ thể, lợi suất các kỳ hạn 7 năm, 10 năm, 20 năm và 30 năm lần lượt tăng 2đcb, 2đcb, 1đcb và 1đcb, lên các mức 2,73%, 3,04%, 3,33% và 3,43%.

Hình 13: Đường cong lãi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

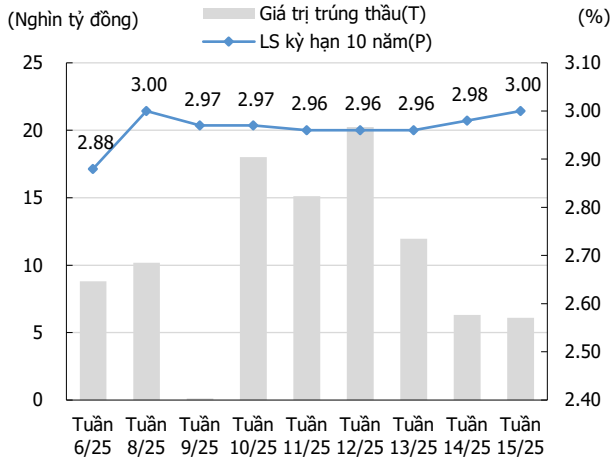
Hình 14: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

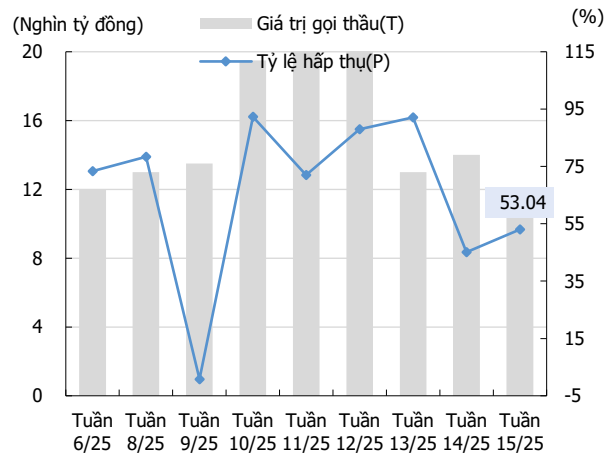
Trên thị trường sơ cấp, tuần 14 năm 2025 tiếp tục ghi nhận xu hướng chứng lại trong hoạt động phát hành trái phiếu, khi giá trị trúng thầu giảm và lãi suất tăng nhẹ. Cụ thể, KBNN phát hành 6,10 nghìn tỷ đồng trong tuần, giảm 3,3% so với tuần trước, với lãi suất trúng thầu tăng 2đcb lên mức 3,00%. Tính đến cuối quý I/2025, KBNN đã phát hành tổng cộng 122,85 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 24,6% kế hoạch cả năm—tăng nhẹ so với mức 23,6% cùng kỳ năm 2024.

Hình 15: Giá trị trúng thầu hàng tuần



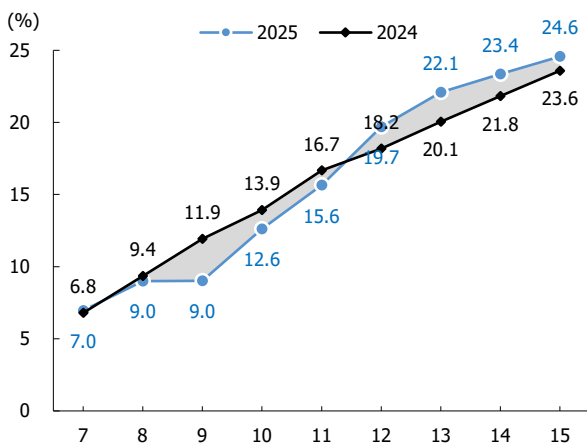
Nguồn: HNX, KIS

Hình 16: Hệ số hấp thụ hàng tuần



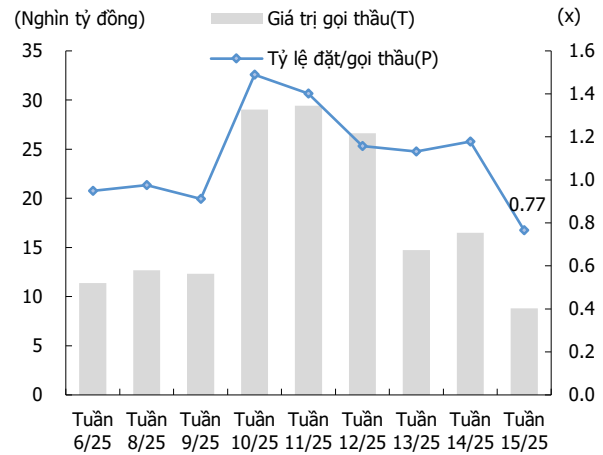
Nguồn: HNX, KIS

Hình 17: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024



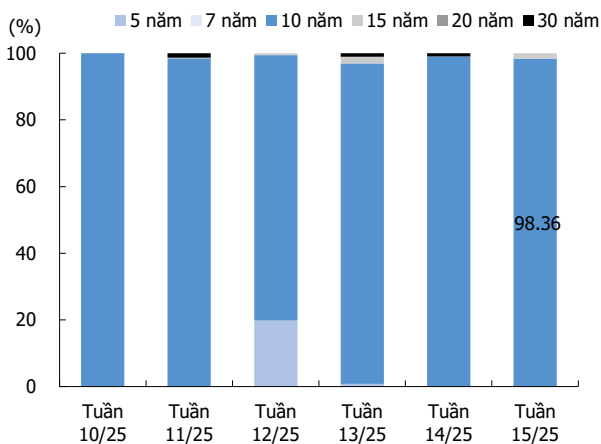
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



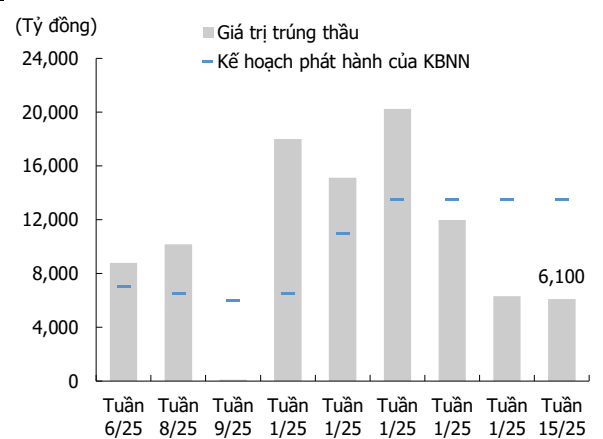
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

IV. USDVND giảm trở lại

USDVND hạ nhiệt khi kỳ vọng về thuế quan trả đũa dịu lại

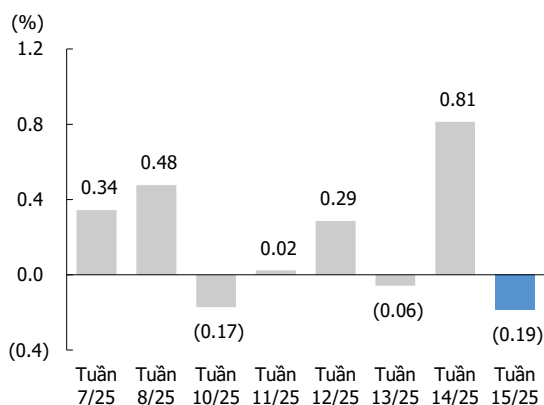
Trong tuần này, USDVND quay đầu giảm sau khi tăng mạnh ở tuần trước, trong bối cảnh đồng USD suy yếu sau “Ngày Giải phóng” của Mỹ. Cụ thể, tỷ giá USDVND liên ngân hàng giảm 0,19% (tương đương 48 điểm cơ bản) so với tuần trước, về mức 25.737 đồng/USD vào ngày thứ Sáu.

Trên thị trường quốc tế, chỉ số DXY liên tục suy giảm trong tuần và chốt tuần ở mức 100,1—mức thấp nhất trong vòng hai năm—giảm 2,84% so với tuần trước. Đồng USD mất giá mạnh do lo ngại về leo thang chiến tranh thương mại toàn cầu và sự mất niềm tin vào chính sách kinh tế của Mỹ dưới thời Tổng thống Trump, gây ra làn sóng bán tháo trên diện rộng đối với tài sản Mỹ bao gồm cổ phiếu, trái phiếu và cả USD.

Tại thị trường trong nước, tỷ giá USDVND cũng giảm theo đà suy yếu của đồng USD, được hỗ trợ thêm bởi tâm lý thị trường ổn định hơn và phản ứng tích cực trước thông tin Mỹ quyết định tạm hoãn 90 ngày áp dụng thuế quan trả đũa—mở ra cơ hội đàm phán cho Chính phủ Việt Nam.

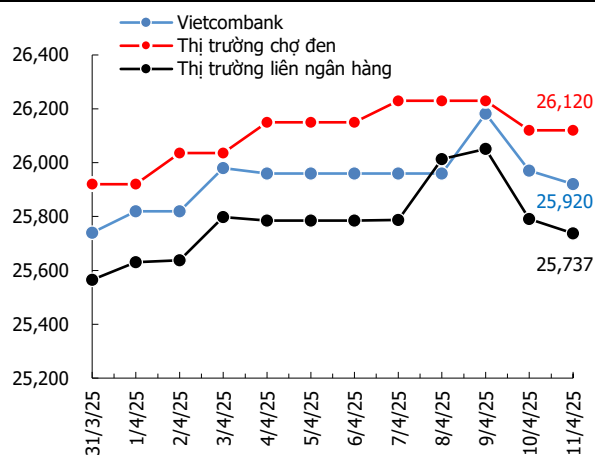
Xét theo từng phân khúc, giá chào bán USD tại Vietcombank và thị trường tự do lần lượt giảm 0,15% (40 điểm cơ bản) và 0,11% (30 điểm cơ bản) so với tuần trước. Vào ngày thứ Sáu, giá chào bán được ghi nhận ở mức 25.920 đồng/USD tại Vietcombank và 26.120 đồng/USD trên thị trường tự do.

Hình 21: Diễn biến của USDVND theo tuần



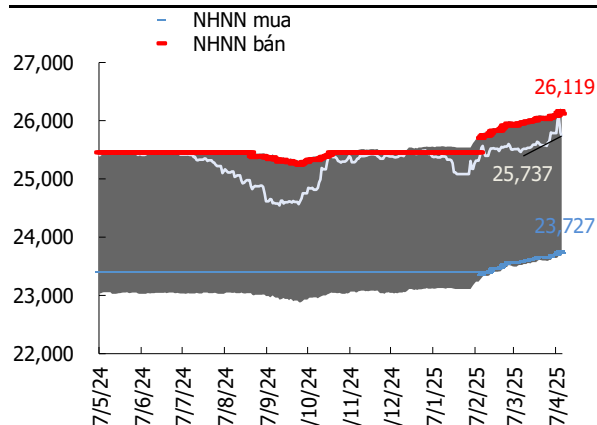
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 22: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



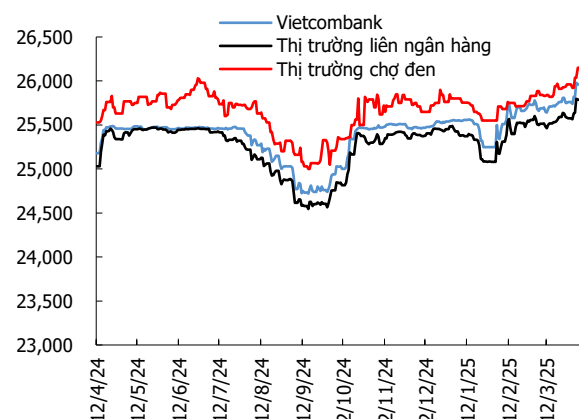
Nguồn: TCTT, KIS

Hình 23: Diễn biến giao dịch của NHNN



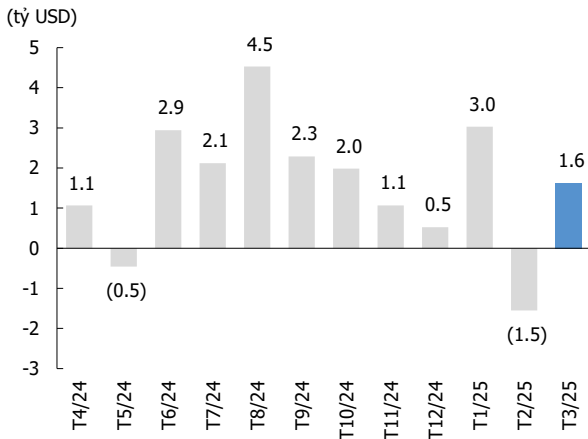
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Finpro, KIS

Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



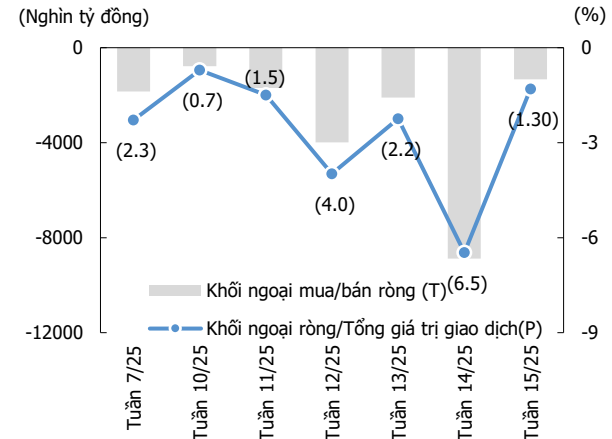
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

Hình 25: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



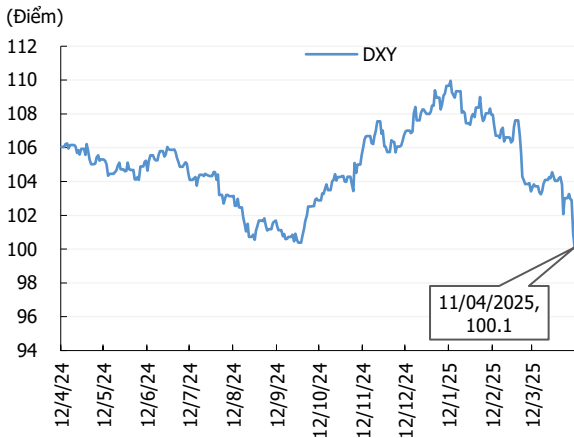
Nguồn: NHNN, Bloomberg
Ghi chú: Cập nhật đến 6 tháng 4, 2024

Hình 26: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Finpro, KIS

Hình 27: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



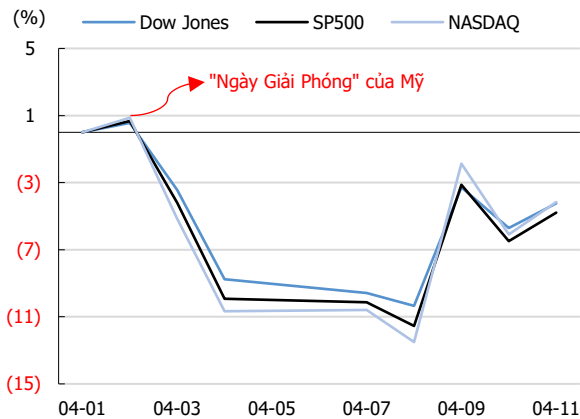
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 28: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

	2024 Thâm hụt thương mại với Mỹ (tỷ USD)		14W25	15W25	2025YTD
Trung Quốc	-295.40	USDCNY	0.27	0.14	-0.10
EU	-235.57	USDEUR	-1.17	-3.51	-8.82
Mexico	-171.81	USDMXN	0.34	-0.58	-2.11
Việt Nam	-123.46	USDVND	0.81	-0.19	0.98
Canada	-73.93	USDCNY	-0.66	-2.41	-3.81
Đài Loan	-68.47	USDTWD	-0.03	-1.27	-0.63
Nhật Bản	-66.01	USDJPY	-1.94	-2.31	-8.69
Hàn Quốc	-64.19	USDKRW	-0.49	-2.77	-3.42
Thái Lan	-45.61	USDTHB	0.67	-1.67	-1.36
DXY			-0.98	-2.84	-7.73

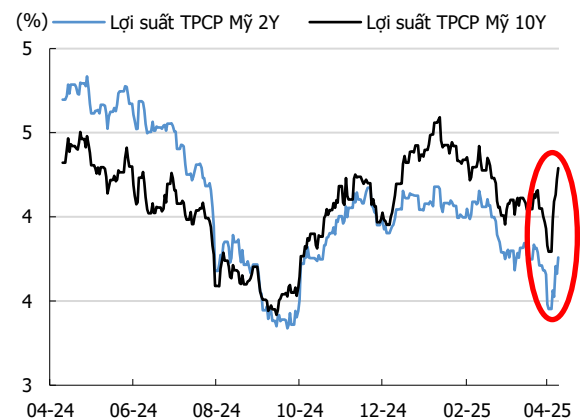
Nguồn: NHNN, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Figure 29. Diễn biến lợi nhuận từ thị trường chứng khoán Mỹ



Source: Bloomberg, KIS

Figure 30. Lợi suất TPCP Hoa Kỳ



Source: Bloomberg, KIS

Thống kê vĩ mô

	T11/24	T12/24	T1/25	T2/25	T3/25	1Q24	2Q24	3Q24	4Q24	2021	2022	2023	2024
Tăng GDP thực (%)						6.93	7.43	7.55	6.93	2.58	8.02	5.05	7.09
FDI đăng ký (USD bn)	4.12	6.85	4.34	2.57	4.08	9.01	9.59	13.44	10.98	31.15	27.72	36.61	38.23
GDP bình quân (USD)										3,725	4,110	4,285	4,479
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.29	2.23	2.22	2.20	3.22	2.32	2.26	2.24
Xuất khẩu (tỷ USD)	33.73	35.53	32.15	31.11	38.51	98.2	108.6	105.9	102.84	335.7	371.85	355.5	405.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	32.67	35.00	30.92	32.66	36.88	94.0	99.7	101.9	99.68	331.1	360.65	327.5	380.8
Tăng trưởng XK (%)	8.16	12.85	-4.05	25.67	14.49	13.59	15.82	11.46	10.64	18.74	10.61	-4.4	14.3
Tăng trưởng NK (%)	9.81	19.23	-2.32	39.99	18.99	20.65	17.19	14.91	17.03	25.9	8.35	-8.9	16.7
Lạm phát (%)	2.77	2.94	3.63	2.91	3.13	4.39	3.48	2.87	3.22	1.84	3.15	3.25	3.63
USD/VND	25,346	25,386	25,082	25,530	25,565	25,458	24,093	25,386	25,565	22,790	23,650	23,784	25,386
Tăng trưởng tín dụng (%)	16.6	15.1	16.1	15.7	16.3	15.3	16.1	13.8	16.3	13.61	14.2	13.7	13.8
TPCP 10 năm (%)	2.76	2.94	2.99	3.18	3.06	2.81	2.66	2.94	3.06	2.11	5.08	2.39	2.94

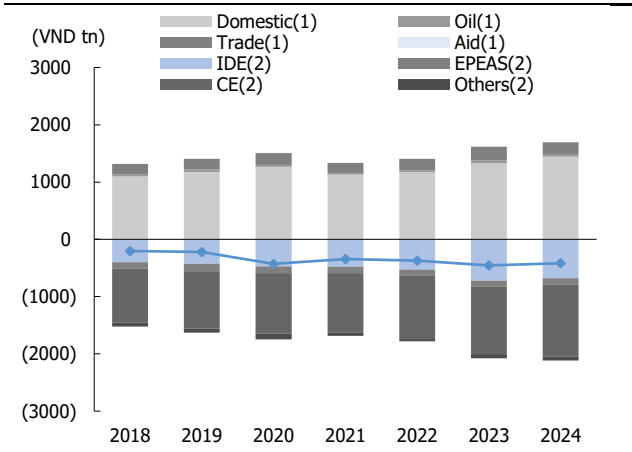
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

****Khái niệm**

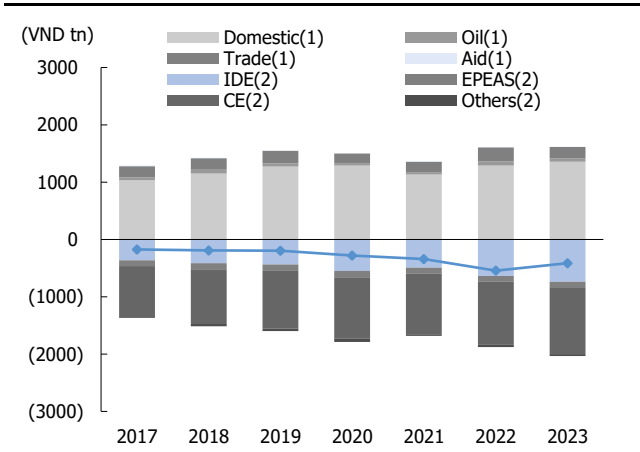
- * Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 3.00%
- * Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 53.04%
- * Tỷ lệ “bid to offer” = giá chào thầu / giá đặt thầu, 0.77%
- * DXY = Chỉ số giá USD Index, ~100.1
- * OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- * Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- * ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~3.95%

Phụ lục

Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến



Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế



Nguồn: MoF, NHNN, KIS
Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.
IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại
(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu
(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

Bảng 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2020	2021	2022	2023	2Q24	3Q24
Cán cân vãng lai	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	4.5	7.8
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	97.9	108.2
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	89.3	94.6
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	8.5	13.6
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.5	5.9
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.3	9.8
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	5.4	6.1
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	3.8	3.9
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.1	1.0
Cán cân tài chính	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	(6.3)	(2.7)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.2)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	5.0	5.2
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	(0.1)
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(1.6)	(0.8)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	(5.2)	(2.6)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(4.4)	(4.2)
Lỗi và sai sót	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(4.3)	(5.1)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	6.1	(0.1)

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This mua kỳ hạnrt has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This mua kỳ hạnrt is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this mua kỳ hạnrt and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this mua kỳ hạnrt or its contents. This mua kỳ hạnrt is not intended for the use of private investors.